

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21 – 12 – 2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Quách Thùy Trang

Ông Đinh Chí Hiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 329/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc M, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Ấp 5, xã Tr, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Lâm Ngọc Q, sinh năm 2001;

Địa chỉ: Ấp Ng, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 06/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lâm Ngọc Q được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống không hạnh phúc, chị đã về gia đình cha mẹ ruột sống từ năm 2021 đến nay. Chị M xét thấy hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị M xác định chị và anh Q không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị M xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Lâm Ngọc Q, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng anh Q không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị M, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lâm Ngọc Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Q.

[2] Về hôn nhân: Chị M với anh Q tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2021. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Ngọc M với anh Lâm Ngọc Q được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị M xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống không hạnh phúc, chị M đã về gia đình cha mẹ ruột sống từ năm 2021 cho đến nay. Tại phiên tòa chị M xác định không còn tình cảm với anh Q và cũng không thể tiếp tục chung sống với anh Q được nữa nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Q; đối với anh Lâm Ngọc Q, mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị M nhưng anh Q không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị M, điều này cho thấy anh Q đã không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nữa. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị M với anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị M, cho chị M được ly hôn với anh Q là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị M xác định chị và anh Q không có con chung; đối với anh Q không có ý kiến gì về con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị M xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với anh Q không có ý kiến gì về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị M xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với anh Q không có ý kiến gì về nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc M phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc M. Cho chị Nguyễn Ngọc M được ly hôn với anh Lâm Ngọc Q.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo giấy nộp tiền ngày 06/10/2022; chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Chị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện Thới Bình;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tiêu Hồng Phụng